

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (bao gồm 04 phần (lô)).

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác của lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

- Chủ đầu tư: Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Nguồn vốn: Nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị làm việc; cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các trụ sở và các nhiệm vụ phát sinh phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp – chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể tại Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II năm 2026.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung:

- Hàng hóa chào thầu phải đáp ứng tính hợp lệ theo yêu cầu tại Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT của E-HSMT. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh cụ thể như sau:

+ Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất của hàng hoá dự thầu tại Mẫu số 10B Chương IV Webform trên hệ thống. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSDT mà phải

đề xuất cụ thể tại Mẫu số 10B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong Mẫu số 10B Chương IV so với tài liệu đính kèm thì thông tin trong Mẫu số 10B là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất kê khai tại Mẫu số 10B Chương IV không tồn tại trên thị trường.

+ Nhà thầu phải kê khai hãng sản xuất của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của hàng hóa (hai cái, hai chiếc...) thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với từng hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

+ Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.

+ Nhà thầu cung cấp Bảng thông tin chi tiết của hàng hóa để chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa so với yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không đính kèm Bảng thông tin chi tiết của hàng hóa thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đưa ra tại Bảng thông tin chi tiết của hàng hóa.

Trường hợp hàng hóa sau khi bàn giao không đúng với thông số nhà thầu đưa ra khi tham dự thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu.

- Tiến độ giao hàng, địa điểm giao hàng theo yêu cầu tại Mẫu số 01A Chương IV E-HSMT. Đảm bảo thời gian nhà thầu cung cấp bàn giao hàng hóa phải phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu đã được quy định. Trong đó thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có).

b) Yêu cầu về kỹ thuật:

Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào (nếu có) trong Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, công nghệ **“tương đương”** hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT.

BẢNG YÊU CẦU THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| Stt | Mã phần (lô) | Tên phần (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|------------------|---|---|--|
| | | | | <p>* Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Model/ Ký mã hiệu (nếu có): Nhà thầu tự đề xuất - Phiên bản (nếu có): Nhà thầu tự đề xuất - Nhãn hiệu: Nhà thầu tự đề xuất - Hãng sản xuất: Nhà thầu tự đề xuất - Xuất xứ: Nhà thầu tự đề xuất - Hàng hóa mới 100% |
| 1 | PP26001 46421 | Phần 01: Xe ô tô phục vụ công tác chung thông thường | Xe ô tô phục vụ công tác chung thông thường | <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 <p>1. Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước tổng thể (mm): 4920 x 1840 x 1445 (sai số ±5%) - Chiều dài cơ sở (mm): 2825 (sai số ±5%) - Khoảng sáng gầm xe (mm): 140 (sai số ±5%) - Bán kính vòng quay tối thiểu (mm): ≤ 5800 - Dung tích bình nhiên liệu (L): ≥ 50 <p>2. Động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống nhiên liệu: Phun xăng trực tiếp - Dung tích xy lanh (cc): 2487 (sai số ±5%) - Công suất tối đa (kW)hp/rpm: (137) 184/6000 (sai số ±5%) - Mô men xoắn tối đa (Nm/rpm): 221/3600-5200 (sai số ±5%) - Động cơ điện Công suất tối đa (kW): 100 (sai số ±5%) Mô men xoắn tối đa (Nm): 202 (sai số ±5%) - Ắc quy Hybrid (Loại): Lithium - Tiêu chuẩn khí thải: Euro 5 |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|---|
| | | | | <p>- Tiêu thụ nhiên liệu (L/100km): Ngoài đô thị: $\leq 4,2$ Kết hợp: $\leq 4,2$ Trong đô thị: $\leq 4,2$</p> <p>3. Truyền lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại dẫn động: Dẫn động cầu trước - Hộp số: Số tự động vô cấp - Các chế độ lái: ≥ 3 chế độ <p>4. Khung gầm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống lái: Trợ lực điện - Vành & Lốp xe (Bao gồm lốp dự phòng) <p>Loại vành: Hợp kim Kích thước lốp: 235/45R18</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phanh trước/ sau: Đĩa tản nhiệt/ Đĩa đặc <p>5. Ngoại thất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu đen - Cụm đèn trước <p>Đèn chiếu gần: Led dạng bóng chiếu Đèn chiếu xa: Led dạng bóng chiếu Đèn chiếu sáng ban ngày: Led Hệ thống điều khiển đèn tự động: Có</p> <p>6. Nội thất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tay lái <p>Lấy chuyển số: Có Điều chỉnh: Chỉnh điện 4 hướng Nút bấm điều khiển tích hợp: Có</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gương chiếu hậu trong xe: Chống chói tự động |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|--|
| | | | | <p>- Cụm đồng hồ</p> <p>Đèn báo hệ thống Hybrid: Có</p> <p>Màn hình hiển thị đa thông tin: $\geq 12,3$ inch</p> <p>7. Ghế:</p> <p>- Số chỗ ngồi: 5 chỗ</p> <p>- Ghế trước</p> <p>Điều chỉnh ghế lái: Chỉnh điện 10 hướng</p> <p>Điều chỉnh ghế hành khách: Chỉnh điện 10 hướng</p> <p>Bộ nhớ vị trí: Ghế người lái (2 vị trí)</p> <p>Làm mát ghế: Có</p> <p>- Ghế sau</p> <p>Hàng ghế thứ hai: Ngả lưng chỉnh điện</p> <p>Tựa tay hàng ghế sau: Có khay đựng ly</p> <p>8. Tiện nghi:</p> <p>- Hệ thống điều hòa tích hợp hệ thống tạo ion âm: Tự động 3 vùng độc lập</p> <p>- Cửa sổ trời: Toàn cảnh</p> <p>- Hệ thống âm thanh</p> <p>Màn hình: Màn hình cảm ứng $\geq 12,3$ inch</p> <p>Số loa: ≥ 9 loa</p> <p>Kết nối điện thoại thông minh: Có</p> <p>- Cổng kết nối USB phía sau: Có</p> <p>- Rèm che nắng kính sau: Chỉnh điện</p> <p>- Rèm che nắng cửa sau: Chỉnh tay</p> <p>- Chìa khóa thông minh và khởi động bằng nút bấm: Có</p> <p>- Cửa sổ điều chỉnh điện: Có (tự động lên xuống tất cả các cửa)</p> |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|--|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Phanh tay điện tử: Có - Hiện thị thông tin trên kính lái: Có - Khóa cửa điện: Có - Chức năng khóa cửa từ xa: Có - Sạc không dây: Có <p>9. An ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống chống trộm <p>Hệ thống báo động: Có</p> <p>Mã hóa khóa động cơ: Có</p> <p>10. An toàn chủ động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống an toàn chủ động <p>Điều khiển hành trình chủ động: Có</p> <p>Hỗ trợ giữ làn đường: Có</p> <p>Đèn chiếu xa tự động: Có</p> <p>Cảnh báo tiền va chạm: Có</p> <p>Cảnh báo lệch làn đường: Có</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn báo phanh khẩn cấp: Có - Hệ thống cảnh báo điểm mù: Có - Hệ thống hỗ trợ ra khỏi xe an toàn: Có - Hệ thống theo dõi áp suất lốp: Có - Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau: Có - Phanh hỗ trợ đỗ xe: Có - Hệ thống cân bằng điện tử: Có - Hệ thống kiểm soát lực kéo: Có - Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc: Có - Camera lùi: Camera 360/ PVM - Cảm biến hỗ trợ đỗ xe: 8 |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|------------------|--|--|---|
| | | | | 11. An toàn bị động: - Túi khí: ≥ 7 túi khí |
| 2 | PP26001 46422 | Phần 02: Xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn 1 | Xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 1. Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước tổng thể (mm): 4925 x 1980 x 1935 (sai số $\pm 5\%$) - Chiều dài cơ sở (mm): 2850 (sai số $\pm 5\%$) - Khoảng sáng gầm xe (mm): 215 (sai số $\pm 5\%$) - Bán kính vòng quay tối thiểu (mm): ≤ 6400 - Dung tích bình nhiên liệu (L): ≥ 80 2. Động cơ: <ul style="list-style-type: none"> - Loại động cơ: Động cơ xăng, 4 xi lanh thẳng hàng, 16 van, trục cam kép, tăng áp Turbo - Dung tích xy lanh cc: 2393 (sai số $\pm 5\%$) - Loại nhiên liệu: Xăng - Công suất tối đa (kW)hp/rpm: (199)267/6000 (sai số $\pm 5\%$) - Mô men xoắn tối đa Nm/rpm: 430/1700-3600 (sai số $\pm 5\%$) - Hệ thống truyền động: 4 bánh toàn thời gian - Hộp số: Số tự động ≥ 8 cấp 3. Hệ thống treo: <ul style="list-style-type: none"> - Trước: Độc lập, tay đòn kép - Sau: Liên kết 4 điểm, có tay điều khiển bên 4. Hệ thống lái <ul style="list-style-type: none"> - Trợ lực tay lái: Điện 5. Vành và lốp xe: <ul style="list-style-type: none"> - Loại vành: Mâm đúc - Kích thước lốp: 265/60R20 |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|--|
| | | | | <p>- Lớp dự phòng 265/60R20: Có</p> <p>6. Phan:</p> <p>- Trước/Sau: Đĩa thông gió</p> <p>- Tiêu chuẩn khí thải: Euro 5</p> <p>- Tiêu thụ nhiên liệu (L/100km)</p> <p>Ngoài đô thị: ≤ 11</p> <p>Kết hợp: ≤ 12,4</p> <p>Trong đô thị: ≤ 14,9</p> <p>7. Ngoại thất:</p> <p>- Màu sắc: Màu đen</p> <p>- Cụm đèn trước</p> <p>Đèn chiếu gần: Led dạng bóng chiếu</p> <p>Đèn chiếu xa: Led dạng bóng chiếu</p> <p>Đèn chiếu sáng ban ngày: Led</p> <p>Tự động bật tắt: Có</p> <p>Hệ thống nhắc nhở đèn sáng: Có, tự động ngắt</p> <p>Hệ thống cân bằng góc chiếu: Tự động</p> <p>- Cụm đèn sau</p> <p>Đèn báo phanh trên cao: Led</p> <p>- Đèn sương mù</p> <p>Trước/sau: Có</p> <p>- Gương chiếu hậu ngoài</p> <p>Chức năng điều chỉnh điện: Có</p> <p>Chức năng gập điện tự động: Có</p> <p>Tích hợp đèn báo rẽ: Có</p> <p>Chức năng sấy gương: Có</p> <p>Đèn chào mừng: Có</p> <p>Tự điều chỉnh khi lùi: Có</p> |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|--|
| | | | | <p>Nhớ vị trí gương: Có</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gạt mưa <p>Trước: Cảm biến tự động</p> <p>Sau: Có, tích hợp gạt khi lùi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ăng ten: Vây cá - Thanh giá nóc: Có <p>8. Nội thất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tay lái <p>Loại tay lái: 3 châu</p> <p>Sưởi tay lái: Có</p> <p>Chất liệu: Bọc da</p> <p>Nút bấm điều khiển tích hợp: Có</p> <p>Điều chỉnh: Chỉnh điện 4 hướng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gương chiếu hậu trong xe: Chống chói tự động - Cùm đồng hồ <p>Đèn báo chế độ Eco: Có</p> <p>Chức năng báo lượng tiêu thụ nhiên liệu: Có</p> <p>Chức năng báo vị trí cần số: Có</p> <p>Hệ thống hiển thị kính lái: Có</p> <p>Màn hình hiển thị đa thông tin: $\geq 12,3$ inch</p> <p>9. Ghế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số chỗ ngồi: 7 chỗ - Ghế trước <p>Điều chỉnh ghế lái: Chỉnh điện 10 hướng, nhớ ghế 2 vị trí</p> <p>Chức năng thông gió: Có</p> <p>Chức năng sưởi: Có</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghế sau |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|---|
| | | | | <p>Hàng ghế thứ hai: Gập 60:40</p> <p>Chức năng thông gió: Có</p> <p>Chức năng sưởi: Có</p> <p>Hàng ghế thứ ba: Gập điện phẳng 50:50</p> <p>Tựa tay hàng ghế sau: Có</p> <p>10. Tiện nghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điều hòa: Tự động 3 vùng độc lập - Cửa gió sau: Có - Hộp làm mát: Có - Hệ thống âm thanh <p>Màn hình: Màn hình cảm ứng $\geq 12,3$ inch</p> <p>Số loa: ≥ 14 loa</p> <p>Kết nối điện thoại thông minh: Có</p> <p>Hệ thống đàm thoại rảnh tay: Có</p> <p>Kết nối Bluetooth: Có</p> <p>Cổng kết nối USB type C: Có</p> <p>Cổng kết nối HDMI: Có</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chìa khóa thông minh và khởi động bằng nút bấm: Có - Khóa cửa điện: Có (điều chỉnh và tự động, khóa cửa điện kép) - Chức năng khóa cửa từ xa: Có - Cửa sổ điều chỉnh điện: Có (tự động lên xuống, chống kẹt tất cả các cửa) - Chế độ lái: ≥ 5 chế độ - Chế độ lái lựa chọn địa hình: Có - Ga tự động: Có - Rửa camera sau: Có - Rửa đèn pha: Có |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Sạc điện thoại không dây: Có - Mở cốp rảnh tay: Có - Cửa sổ trời: Toàn cảnh <p>11. An ninh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống chống trộm <p>Hệ thống báo động: Có</p> <p>Hệ thống mã hóa khóa động cơ: Có</p> <p>Cảm biến chuyển động trong xe: Có</p> <p>12. An toàn chủ động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống an toàn <p>Điều khiển hành trình chủ động: Có</p> <p>Hỗ trợ giữ làn đường: Có</p> <p>Đèn chiếu xa tự động thích ứng: Có</p> <p>Cảnh báo tiền va chạm: Có</p> <p>Cảnh báo lệch làn đường: Có</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn báo phanh khẩn cấp: Có - Hệ thống cảnh báo điểm mù: Có - Hệ thống hỗ trợ ra khỏi xe an toàn: Có - Hệ thống cảnh báo áp suất lốp: Có - Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau: Có - Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe: Có - Hệ thống cân bằng điện tử: Có - Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc: Có - Hệ thống chống bó cứng phanh: Có - Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp: Có - Hệ thống phân phối lực phanh điện tử: Có - Hệ thống ga tự động vượt địa hình: Có |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|------------------|---|---|--|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hỗ trợ đỗ xe: Có - Phanh đỗ điện tử và giữ phanh tự động: Có - Cảm biến hỗ trợ đỗ xe: 8 - Camera 360: Có <p>13. An toàn bị động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Túi khí: ≥ 8 túi khí - Ghế có cấu trúc giảm chấn thương cổ (Tựa đầu giảm chấn): Có - Cột lái tự đổ: Có - Bàn đạp phanh tự đổ: Có |
| 3 | PP26001 46423 | Phần 03: Xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn 2 | Xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2025 trở đi <p>1. Động cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động Cơ: Động cơ xăng, tăng áp Turbo và phun nhiên liệu trực tiếp - Dung tích xi lanh (cc): 1984 (sai số $\pm 5\%$) - Hộp số: Tự động ≥ 7 cấp - Công suất cực đại (hp/rpm (kW)): 220/ 4900 – 6700 (162) (sai số $\pm 5\%$) - Mô men xoắn cực đại (Nm/rpm): 350/ 1600 – 4300 (sai số $\pm 5\%$) - Tốc độ tối đa (km/h): ≥ 200 - Tăng tốc từ 0 - 100 km/h (s): $\leq 8,4$ - Mức tiêu thụ nhiên liệu (L/100km) Ngoài đô thị: $\leq 10,1$ Kết hợp: $\leq 10,9$ Trong đô thị: $\leq 12,3$ <p>2. Kích thước và Trọng lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài x rộng x cao (mm): 5052 x 1989 x 1773 (sai số $\pm 5\%$) |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|--|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài cơ sở (mm): 2980 (sai số $\pm 5\%$) - Khoảng sáng gầm xe (mm): 210 (sai số $\pm 5\%$) - Loại vành: Mâm đúc hợp kim - Lốp xe trước/sau: 265/45 R21 <p>3. Truyền động và hệ thống treo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền động: Dẫn động bốn bánh toàn thời gian - Hệ thống treo (Trước/Sau): Độc lập Mc Pherson/ Liên kết đa điểm - Hệ thống phanh (Trước/Sau): Đĩa thông gió - Trợ lực lái: Trợ lực điện biến thiên theo tốc độ - Chế độ lái: ≥ 07 chế độ - Kiểm soát hành trình nâng cao thích ứng theo xe phía trước: Có <p>4. Ngoại thất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu đen - Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước: Đèn LED Matrix - Cảm biến đèn pha tự động bật tắt: Có - Đèn LED chiếu sáng ban ngày: Có - Logo phía trước phát sáng: Có - Chức năng đèn hỗ trợ thời tiết xấu: Có - Hệ thống chiếu xa thích ứng: Có - Chức năng điều chỉnh vùng chiếu sáng chủ động: Có - Đèn hỗ trợ mở rộng góc chiếu: Có - Mở rộng góc chiếu khi vào cua chủ động: Có - Đèn chờ dẫn đường: Có - Đèn chào mừng: Có |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|--|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Cụm đèn phía sau: Cụm đèn LED phía sau, có logo phát sáng, đèn báo rẽ dạng chạy đuổi - Cảm biến gạt mưa tự động: Có - Gương chiếu hậu: Chỉnh điện/gập điện, tự động gập gương khi khóa xe, gương phía hành khách tự động điều chỉnh khi lùi xe, có chức năng sưởi độc lập, chống chói cho gương phía người lái và chức năng nhớ vị trí - Kính chắn gió: Kính chắn gió an toàn nhiều lớp, có cách nhiệt, cách âm - Kính ở hàng ghế trước và sau: Kính cách âm 2 lớp - Thanh giá nóc xe: Mạ bạc <p>5. Nội thất & Tiện nghi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình hiển thị đa thông tin: $\geq 10,25''$ - Màn hình hiển thị trên kính lái (HUD): Có - Số chỗ ngồi: 06 chỗ - Chất liệu bọc ghế: Ghế bọc da cao cấp có họa tiết kim cương - Ghế người lái: Ghế chỉnh điện 8 hướng, tựa lưng 4 hướng, tựa đầu chỉnh cơ 6 hướng có sưởi, làm mát và nhớ ghế 3 vị trí - Ghế hành khách phía trước: Ghế chỉnh điện 8 hướng, tựa lưng 4 hướng, tựa đầu chỉnh cơ 6 hướng có sưởi, làm mát ghế - Hàng ghế thứ 2: Trượt chỉnh cơ Ghế độc lập/ Tựa tay riêng Gập ghế 50:50 - Vô lăng: |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|---|
| | | | | <p>Vô lăng bọc da thể thao đa chức năng, nút bấm cảm ứng, có chức năng sưởi</p> <p>Vô lăng điều chỉnh 4 hướng: Có</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cửa sổ trời toàn cảnh đóng mở bằng điện: Có - Cửa kính điều khiển 1 chạm: Có - Bệ tựa tay trung tâm hàng ghế trước: Kiểu 2 phía độc lập, điều chỉnh được độ cao, có hộp đựng đồ - Ốp nẹp bước chân phát sáng: Có - Cửa sau đóng mở bằng điện: Đóng mở bằng điện, nhớ vị trí, đá cốp - Chìa khóa thông minh: Có - Điều hòa nhiệt độ: Điều hòa tự động 3 vùng với thiết bị lọc bụi mịn PM2.5 - Cửa gió ở hàng ghế thứ 2: Có - Gương chiếu hậu trong xe chống chói tự động: Có - Đèn viền trang trí nội thất: ≥ 30 màu - Đèn chiếu sáng dưới chân: Có - Tấm che khoang hành lý: Có - Ổ cắm 12V ở khoang hành lý: Có - Tấm che nắng có gương và đèn: Có - Hệ thống giải trí: Màn hình giải trí $\geq 12"$, có Apple Carplay, USB, Bluetooth - Sạc không dây: Có - Điều khiển bằng cử chỉ: Có - Hệ thống âm thanh: Hệ thống loa ≥ 12 loa <p>6. An toàn và hỗ trợ người lái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau: Có - Hỗ trợ chuyển làn: Có |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|------------------|--|--|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo mở cửa an toàn: Có - Giám sát phía trước & Phanh khẩn cấp: Có - Hệ thống phanh khẩn cấp trong phố: Có - Cảnh báo tập trung cho người lái: Có - Khóa vi sai điện tử: Có - Hệ thống cân bằng điện tử: Có - Cảm biến áp suất lốp: Có - Hệ thống khởi hành ngang dốc: Có - Hệ thống hỗ trợ xuống dốc: Có - Hỗ trợ đỗ xe: Có - Hệ thống kiểm soát cự ly đỗ xe: Có - Hệ thống chống bó cứng phanh: Có - Hệ thống phân phối lực phanh điện tử: Có - Hệ thống trợ lực phanh khẩn cấp: Có - Hệ thống kiểm soát chống trượt: Có - Camera lùi/ Camera 360: Có - Túi khí an toàn: ≥ 7 túi khí - Móc gắn ghế an toàn trẻ em ISO FIX: Có - Chức năng chống trộm: Có - Chìa khóa mã hóa chống trộm: Có |
| 4 | PP26001 46424 | Phần 04: Xe ô tô phục vụ công tác chức danh Chủ tịch UBND thành phố | Xe ô tô phục vụ công tác chức danh Chủ tịch UBND thành phố | <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 1. Động cơ và Tính năng vận hành - Động cơ: Động cơ Diesel, bi turbo tăng áp, 4 xi lanh thẳng hàng, Trục cam kép, có làm mát khí nạp - Dung tích xi lanh (cc): 1996 (sai số $\pm 5\%$) - Công suất cực đại (PS/ rpm): 209,8 (154,3 kW)/ 3750 (sai số $\pm 5\%$) |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Mô men xoắn cực đại (Nm/rpm): 500/ 1750 – 2000 (sai số ±5%) - Hệ thống truyền động: Hai cầu chủ động/ 4x4 - Hệ thống kiểm soát đường địa hình: Có - Hộp số: Số tự động ≥ 10 cấp - Trợ lực lái: Trợ lực lái điện <p>2. Kích thước và trọng lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài x rộng x cao (mm): 4914 x 1923 x 1841 (sai số ±5%) - Khoảng sáng gầm xe (mm): 200 (sai số ±5%) - Chiều dài cơ sở (mm): 2900 (sai số ±5%) - Dung tích thùng nhiên liệu (L): ≥ 80 <p>3. Mức tiêu thụ nhiên liệu (L/100Km)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chu trình tổ hợp: ≤ 8,5 - Chu trình đô thị cơ bản: ≤ 10,1 - Chu trình đô thị phụ: ≤ 7,5 <p>4. Hệ thống treo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống treo trước: Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, thanh cân bằng - Hệ thống treo sau: Hệ thống treo sau sử dụng lò xo trụ, ống giảm chấn lớn và thanh ổn định liên kết kiểu Watts linkage <p>5. Hệ thống phanh và lốp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phanh trước và sau: Phanh đĩa - Phanh tay điện tử: Có - Cỡ lốp: 255/55R20 - Vành xe: Vành hợp kim nhôm <p>6. Trang thiết bị an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Túi khí: ≥ 7 túi khí |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Camera: Camera 360 - Cảm biến hỗ trợ đỗ xe: Cảm biến trước và sau - Hệ thống chống bó cứng và phân phối lực phanh điện tử: Có - Hệ thống cân bằng điện tử: Có - Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc: Có - Hệ thống kiểm soát đổ đèo: Có - Hệ thống kiểm soát tốc độ: Có - Hệ thống cảnh báo va chạm và hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước: Có - Hệ thống cảnh báo điểm mù kết hợp cảnh báo có xe cắt ngang: Có - Hệ thống cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường: Có - Hệ thống kiểm soát áp suất lốp: Có - Hệ thống chống trộm: Có <p>7. Trang thiết bị ngoại thất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu đen - Đèn phía trước: LED Matrix, tự động bật đèn, tự động bật đèn chiếu góc - Đèn pha chống chói tự động: Có - Gạt mưa tự động: Có - Đèn sương mù: Có - Gương chiếu hậu điều chỉnh điện: Gập điện - Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama: Có - Cửa hậu đóng/ mở điện: Có <p>8. Trang thiết bị nội thất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số chỗ ngồi: 07 chỗ |

| Stt | Mã phân (lô) | Tên phân (lô) | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật |
|-----|--------------|---------------|--------------|--|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động bằng nút bấm: Có - Chìa khóa thông minh: Có - Điều hòa nhiệt độ: Tự động 2 vùng khí hậu - Vật liệu ghế: Da + Vinyl tổng hợp - Tay lái bọc da: Có - Điều chỉnh hàng ghế trước: Ghế lái và ghế khách chỉnh điện 8 hướng - Hàng ghế thứ 3 gập điện: Có - Gương chiếu hậu trong: Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày/ đêm - Cửa kính điều khiển điện: Có (1 chạm lên xuống tích hợp chống kẹt cho cả 2 hàng ghế) - Hệ thống âm thanh: ≥ 8 loa - Hệ thống giải trí Điều khiển giọng nói: có Màn hình cảm ứng $\geq 12''$ - Bảng đồng hồ tốc độ: Màn hình $\geq 12,4''$ - Sạc không dây: Có - Điều khiển âm thanh trên tay lái: Có |

1.3. Các yêu cầu khác: Không có.

Mục 2. Bản vẽ:

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Hàng hóa khi được bàn giao phải đảm bảo mới 100%, có thông số kỹ thuật, chất lượng, tài liệu kèm theo đáp ứng yêu cầu. Hàng hóa được vận hành thử, chạy tốt mới tiến hành nghiệm thu hàng hóa.

- Hàng hóa được bảo quản, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất, đảm bảo hàng hoá đạt chất lượng tốt nhất ở thời điểm được bàn giao.

- Các tài liệu cần cung cấp khi bàn giao hàng hóa cụ thể như sau:
 - + Tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng của xe khi bàn giao hàng hóa để phục vụ việc đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật.
 - + Hóa đơn giá trị gia tăng.
 - + Tài liệu về bảo hành: Phiếu bảo hành xe ô tô hoặc tài liệu tương đương trong đó thể hiện rõ và đầy đủ các hạng mục sau: Liệt kê các dạng hư hỏng sẽ được bảo hành, các dạng hư hỏng không được bảo hành. Điều kiện bảo hành, bảo trì theo quy định của nhà sản xuất. Phương thức liên hệ nhà thầu khi hàng hóa gặp hư hỏng (bằng văn bản, email, điện thoại...).
 - + Tài liệu hướng dẫn sử dụng xe.
 - + Các tài liệu khác (nếu có).
- Thử nghiệm:
 - + Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra thử nghiệm hàng hóa dưới sự giám sát của Chủ đầu tư (nếu được yêu cầu) để chứng minh hàng hóa đó có chất lượng, đặc điểm kỹ thuật... phù hợp với các quy định trong hợp đồng.
 - + Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm.
- Cách thức xử lý của Chủ đầu tư đối với hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm:

Hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật..., thì Chủ đầu tư có thể từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp Chủ đầu tư sẽ ngưng việc thực hiện hợp đồng với nhà thầu và nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.